

HÌNH ẢNH TÂY BẮC TRONG VĂN CHƯƠNG TÔ HOÀI

Tác giả: Phú Thuỳ Hương

1. Tây Bắc trong văn thơ hiện đại

Tây Bắc là vùng núi phía Tây của miền Bắc Việt Nam, có chung đường biên giới với Lào, Trung Quốc, bao gồm các tỉnh: Lai Châu, Điện Biên, Sơn La, Hòa Bình, Yên Bái và Lào Cai. Nơi đây cũng gắn liền với dòng sông Đà, sông Thao và thượng nguồn sông Mã, những con sông huyền thoại đã đi vào các tác phẩm văn học như một chứng nhân, một cố nhân trong *Tùy bút sông Đà* của nhà văn Nguyễn Tuân, hay *Tây Tiến* của nhà thơ Quang Dũng.

*Sông Mã xa rồi Tây Tiến ơi!
Nhớ về rừng núi, nhớ chơi vơi.*

Dòng sông Mã đã chứng kiến biết bao hi sinh, buồn vui đời lính Tây Tiến, cất khúc độc hành tiễn đưa họ về với đất mẹ. Còn Đà giang là dòng sông hung bạo bậc nhất luôn thử thách tài năng bản lĩnh của con người. Dòng sông ấy tượng trưng cho cách cảm của cụ Nguyễn về mảnh đất miền Tây: hiểm nguy, hoang dã mà kì vĩ như một công trình mỹ thuật của tạo hoá.

Nói đến Tây Bắc, chúng ta không quên những vùng rừng núi điệp trùng “đốc lên khúc khuỷu, dốc thăm thẳm” trong thơ Quang Dũng hay “những bản sương giăng, những đèo mây phủ” trong thơ Chế Lan Viên. Ta cũng nhớ ngay đến một chiến trường lớn của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp với Điện Biên, Mường Thanh, Him Lam... những địa danh gắn với những chiến công oanh liệt, hào hùng và chói ngời của dân tộc Việt Nam mà đỉnh cao là chiến thắng Điện Biên Phủ trong thơ Tố Hữu. Có thể nói, Tây Bắc gắn liền với một thời gian khổ mà hào hùng của lịch sử dân tộc. Nơi có biết bao con người mộc mạc, anh dũng và thủy chung.

*Nhớ bản sương giăng, nhớ đèo mây phủ
Nơi nao qua lòng lại chẳng yêu thương
Khi ta ở, chỉ là nơi đất ở
Khi ta đi đất đã hóa tâm hồn*

Gần nhất là hình ảnh Tây Bắc huyền bí, đẹp đến huyền hoặc dưới ngòi bút nhà văn Nguyễn Huy Thiệp, đẹp như một ám ảnh hội họa vượt thời gian “Hoa ban hỡi, ngàn năm trước mày có trắng như thế này không?”

2. Tây Bắc trong văn chương Tô Hoài

Với nhà văn Tô Hoài, Tây Bắc là mảnh đất đau thương mà anh dũng được ông ghi chép, miêu tả bằng vốn sống, vốn hiểu biết phong phú về cuộc sống, phong tục tập quán của đồng bào các dân tộc Thái, Mường, Mông, Dao. Ông không chỉ nặng tình với mảnh đất Nghĩa Đô, Hà Nội mà còn coi Tây Bắc là quê hương thứ hai của mình. Ông bảo: “Đất nước và người miền Tây đã để thương để nhớ cho tôi nhiều, không thể bao giờ quên... Hình ảnh Tây Bắc đau thương và dũng cảm lúc nào cũng thành nét, thành người, thành việc trong tâm trí tôi”.

Trước Cách mạng, người ta biết đến Tô Hoài là nhà văn của truyện đồng thoại dành cho trẻ em “Đế mèn phiêu lưu kí” thì sau Cách mạng, ông được mệnh danh là nhà văn của miền Tây Bắc. Trong chuyến đi 8 tháng cùng bộ đội giải phóng miền Tây, nhà văn có điều kiện được ăn ở, sinh hoạt, hiểu thêm phong tục tập quán, gắn bó với người dân nơi đây như anh em, gia đình. Năm 1952, Tô Hoài đi sâu vào

khu du kích của “các dân tộc Mường, Dao, Thái trắng ở Bản Thái và Ngọn Lao thuộc châu Phù Yên, rồi qua khu du kích 99 sang Trạm Tấu, lên Tú Lệ, lên châu Than Uyên, châu Quỳnh Nhai, qua châu Tuần Giáo, vào châu Điện Biên ... Rồi lại từ các khu du kích dân tộc Mèo xuống những vùng mới giải phóng, các làng dân tộc Thái trên cả bốn cánh đồng phì nhiêu của Tây Bắc.” Đây là cái vốn lớn rồi sẽ tạo nên *Truyện Tây Bắc* viết về ba dân tộc Mường, Thái, Mèo. Biết bao là địa danh Tô Hoài đã đến và đã biết; ai không am hiểu địa lý quả rất khó nhớ, nhưng nhờ vào văn Tô Hoài mà trở nên thân thuộc với Trạm Tấu, Quỳnh Nhai, Than Uyên, Mèo Vạc, Xì Nồ, Lũng Phầy, rồi Hồng Ngài, Phìn Sa. Một năm sau, năm 1953, Tô Hoài viết xong *Truyện Tây Bắc*; và hai năm sau, *Truyện Tây Bắc* được giải nhất về văn xuôi, giải thưởng văn học 1954 - 1955 của Hội Văn nghệ Việt Nam. Tập truyện đã khắc họa một cách chân thật, sinh động những nỗi đau thương, khổ nhục của người dân miền núi dưới ách áp bức nặng nề của thực dân phong kiến. Đồng thời từ đó, ông ca ngợi những phẩm chất tốt đẹp của người dân tộc thiểu số miền núi, cũng như lý giải thành công về con đường tắt yếu họ phải tìm đến để thoát khỏi cuộc sống bị đọa đày áp bức. Tập sách gồm có ba truyện: *Mường Giơn*, *Cứu đất cứu mường*, *Vợ chồng A Phủ*.

(1) *Mường Giơn* là một truyện viết về tinh thần kháng chiến của các dân tộc trong những năm tháng đấu tranh chống giặc. Tô Hoài từng tâm sự với nhà thơ Hoàng Trung Thông “Cậu biết Mường Giơn không? Dải đất Mường Giơn ở Tây Bắc ấy. Tớ từng nằm ở đó cùng anh Mai Lộc một tháng để viết lách về người Thái trắng. Vùng ấy còn nhiều bí ẩn lắm. Trước đây, tớ từng rủ Nông Quốc Bình (con nhà văn Nông Quốc Chấn) về đó, muốn giải mã vùng đất bí ẩn đó bằng một bộ phim, tớ sẽ bấm càng và làm cố vấn, nhưng bật vô âm tín” ... Nói về địa danh Mường Giơn, chỉ tìm thấy kết quả là Mường Giôn, một địa danh thuộc vùng xa ở Quỳnh Nhai (Sơn La). Liệu Mường Giôn có phải là Mường Giơn mà cụ Tô Hoài đã đến, đã viết và muốn về lại? Tất cả vẫn là một “bí ẩn”, và còn nhiều bí ẩn.

(2) *Cứu đất cứu mường* kể về cuộc đời đau xót của bà Ảng (người Thái trắng). Xưa kia còn trẻ, Cô Ảng một thời đẹp nức tiếng đất Mường Cơi, cái đẹp để cha mẹ “sinh lo, sinh bệnh” rồi “buồn khổ” mà chết, chết trong cay đắng và tủi cực khi con gái phải “hầu quan”. 17 tuổi phải đi hầu ông lão sáu mươi rồi “không hầu riêng ai” mà hầu khắp quan lớn quan bé. Cô khiếp sợ cảnh sống ấy mà không thể thoát được bởi ở đâu cũng có quan lang châu cai trị. Trớ trêu thay, hai đứa con lang là của các quan lớn quan bé ấy mà nào ai chịu nhận, theo lệ mường, để có tiền nộp phạt vạ cho các quan, bà phải bán đứa con trai và rồi một lần nữa, đau đớn nhìn con gái đi vào cuộc đời hờn tủi như mình. Cuối truyện, bà bị quan châu đánh chết dưới gốc xoan nhưng số phận của bà cho ta niềm tin tưởng vào một cuộc đời mới, tươi sáng hơn, rực rỡ hơn cho con cháu bà.

(3) *Vợ chồng A Phủ* là tác phẩm tiêu biểu nhất trong tập truyện, kể về cuộc đời của cô Mị đau khổ làm phận dâu gạt nợ trong nhà thống lí Pá Tra rồi cùng với chàng trai A Phủ vùng lên tự giải phóng cho mình. Đây là câu chuyện hoàn toàn có thực. Tức là nguyên mẫu ở ngoài đời sống. Nhà văn kể lại “Đợt ấy tôi đi công tác từ Tà Sùa sang Phù Yên (Sơn La). Ở Tà Sùa tôi gặp một cặp vợ chồng người Mèo vào đúng dịp tết truyền thống của họ, tức khoảng tháng 11 âm lịch, trước tết Nguyên Đán của ta 1 tháng. Tết người Mèo kéo dài cả tháng. Tôi cùng đôi vợ chồng nhà kia đi ăn tết từ bản này sang bản khác. Ăn tết và uống rượu, rồi anh chồng kể chuyện.

Anh kể về cuộc đời anh, cuộc đời chị vợ, về chuyện thống lý ở bản anh làm tay sai cho Pháp, rất tàn ác, cho nên anh phải đưa vợ chạy trốn đi nơi khác. Câu chuyện của đôi vợ chồng nọ cộng với vốn hiểu biết của tôi về đời sống người Mèo làm cho cốt truyện cứ sáng tỏ dần. Và tôi bắt tay vào viết”. Tô Hoài kể kỉ niệm không thể quên ngày vợ chồng A Phủ tiễn ông ra khỏi dốc núi Tà Sùa, vẫy theo: “Chéo lù, chéo lù” (trở lại). Cũng như thế với cuộc chia tay vợ chồng Lý Nử Chu dưới chân núi Cao Phạ. Ông đã khóc lúc xem bộ phim “Vợ chồng A Phủ”, bởi những người làm phim đã tái hiện được chân thực cuộc sống và thân phận con người vùng Tây Bắc.

Cả ba tác phẩm đều nói về phận người đau thương ở miền núi Tây Bắc được ghi lại bằng trải nghiệm chân thực của nhà văn “Trong những chuyến đi thực tế vùng Tây Bắc, nhà văn Tô Hoài luôn có tác phong vừa nghe người ta nói, vừa xem họ làm, vừa sinh hoạt với họ, đồng thời còn ghi chép lại. Có những đoạn ông ghi lại tiếng chim gáy trong rừng sâu, tiếng chim gáy ở đồng bằng, hay như tiếng chim nuôi trong lồng, nhốt trong thành phố thế nào”... Đau thương là thế, nhưng Tô Hoài không viết Truyện Tây Bắc để than nghèo kể khổ. Những câu chuyện thương đau được kể với sự dịu dàng, êm ái, như một lời thì thầm rằng mọi chuyện đã qua rồi, “trời xanh” đã “thành tiếng hát”, cuộc sống đầy sức trẻ đang sinh sôi, rạo rực chuyển mình. Những bản tình ca vẫn vang lên thắm thiết, vi vút trong tiếng sáo, tiếng khèn, trong tiết tấu rộn ràng của điệu múa, điệu xoè. Tô Hoài viết về tình yêu thật đẹp đẽ, tình tứ mà trong trẻo, vui tươi. Những ánh mắt lúng liếng, những câu hát thắm thiết, đắm say, những câu chuyện kể đậm chất dân gian như vắn vít, giao hoà cùng trời đất mùa xuân tràn trề nhựa sống. Con chim kỳ xanh biếc chân đỏ cất tiếng hót rộn ràng, như là dấu hiệu của những điều may mắn, tràn đầy hi vọng.

Từ “Truyện Tây Bắc”, nhà văn Tô Hoài tiếp tục đi sát hiện thực cuộc sống với tác phẩm “Miền Tây” ra đời sau đó 10 năm. Vẫn là Tây Bắc, nhưng chân dung và số phận của con người hiện rõ hơn trên nền lịch sử, trước sự đổi thay của cuộc sống. Đó là những số phận riêng, diện mạo riêng như bà Giàng Súa, là anh cán bộ miền xuôi, là ông chủ tịch xã Sóa Tỏa... mà ông dành nhiều tâm sức để xây dựng. Và sau này, với những tác phẩm “Họ Giàng ở Phìn Sa”, “Nhớ Mai Châu” ... Tô Hoài vẫn mãi miết với đất và người Tây Bắc, mong muốn giải đáp những bí ẩn nào đó nơi mảnh đất biên cương.

Nhìn lại toàn bộ cuộc đời văn học của nhà văn Tô Hoài, Giáo sư Phong Lê khẳng định: “Tô Hoài là một trong những tác gia lớn nhất của thế kỉ 20. Ông thuộc thế hệ vàng mà tôi quan niệm thế hệ sinh năm 20, từ năm 1920 ngược về trước. Đó là thế hệ vàng của văn chương hiện đại, làm nên mùa gặt ngoạn mục nhất của văn học thế kỉ 20 - làm nên mùa màng 1930-1945, cùng với Nguyễn Công Hoan, Vũ Trọng Phụng, Ngô Tất Tố, Xuân Diệu, Huy Cận. Ông cũng là người hiem hoi nhất còn lại của thế hệ ấy, cùng với nhà thơ Nguyễn Xuân Sanh”.